

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ

Ngọc Hồi, ngày 10 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2019/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ N – sinh năm 1990;

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn (Làng) N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện N, tỉnh K; địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

Ngân hàng Chính sách xã Hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện N, tỉnh K; địa chỉ: Đường Hùng Vương, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị Mỹ N – sinh năm 1990 và anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Thôn (Làng) N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ N và anh Nguyễn Minh T, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Minh K – sinh ngày 13-01-2013 đến khi trưởng thành, tự lập được; anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết theo Quyết định số: 11/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị Mỹ N nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) còn lại của số tiền 12.900.000đ (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Phan Thị Mỹ N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000281 ngày 10-4-2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- UBND xã T – huyện T – tỉnh Q;
- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bá Khen